



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ-TTg
ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

- Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai; xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực để thực hiện các chương trình, đề án, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực trong việc thực hiện quy hoạch.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên kết, kế thừa các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch thực hiện các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt.

- Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

- Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực. Trong đó, đầu tư công có tính kích hoạt, dẫn dắt để thu hút nguồn vốn đầu tư của xã hội, tạo đột phá phát triển.

- Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; sự tham gia của các thành phần kinh tế theo hướng hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (hạ tầng giao thông, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thủy lợi, cấp nước, giáo dục - đào tạo, y tế...)

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các nhân nhằm đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong việc triển khai Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh.



II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Thông báo công khai danh mục các quy hoạch đã hết hiệu lực theo quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

2. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án

a) Dự án đầu tư công:

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo sức lan tỏa, nhất là hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy liên kết với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long với vùng Đông Nam Bộ. Ưu tiên đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm, động lực của tỉnh: kinh tế biển, công nghiệp và đô thị trong đó chú trọng kết nối đô thị - công nghiệp tại vùng kinh tế biển Gò Công, vùng công nghiệp Tân Phước và hành lang dọc sông Tiền tạo nền tảng quan trọng để thu hút đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, khoa học và công nghệ, bảo trợ xã hội, thu gom, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn; quốc phòng, an ninh; hạ tầng thủy lợi; cấp nước, thoát nước; phòng, chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;...

- Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư tại Phụ lục kèm theo.

b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công:

- Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư năng lực tài chính mạnh, sử dụng công nghệ hiện đại và sử dụng lao động trình độ cao.

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư được xác định căn cứ vào các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển và phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực được xác định trong Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh, gồm:

- + Xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hạ tầng logistics.

- + Xây dựng các công trình cảng biển, bến cảng thủy nội địa, cảng cá, cảng chuyên dùng, cảng hành khách...;

- + Các dự án phát triển vùng kinh tế biển, ven biển; phát triển năng lượng sạch;

- + Các dự án xây dựng hạ tầng thương mại - dịch vụ; khu đô thị, khu dân cư; dự án nhà ở xã hội; các dự án chế biến nông sản, thủy sản...;

+ Các dự án cấp nước thô, nước sạch phục vụ sản xuất công nghiệp, đô thị và nông thôn;

+ Các dự án đầu tư phát triển du lịch, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, công nghệ - thông tin và đảm bảo an sinh xã hội;

+ Các dự án về xử lý rác thải, nước thải và giảm ô nhiễm môi trường...

- Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Tại Phụ lục kèm theo.

c) Nguồn lực thực hiện quy hoạch:

Đề thực hiện mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 7,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh Tiền Giang dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 649,9 - 663,5 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030	
	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
Tổng cộng	246,6 nghìn tỷ đồng	403,3 - 416,9 nghìn tỷ đồng
Nguồn vốn khu vực nhà nước	27,4% (tương đương 67,58 nghìn tỷ)	25,7% - 26,6% (tương đương 107,34 nghìn tỷ)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	64,4% (tương đương 158,73 nghìn tỷ)	62,9% - 65% (tương đương 262,34 nghìn tỷ)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	8,2% (tương đương 20,291 nghìn tỷ)	8,4% - 11,4% (tương đương 33,646 - 47,280 nghìn tỷ)

3. Kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với quy định của Luật Đất đai, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và các quy định khác có liên quan.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi đôi với các chính sách ưu đãi đầu tư nhằm tạo cơ hội, động lực cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

- Xây dựng, ban hành chính sách đột phá phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước để phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược; phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, động lực như: kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển, công nghiệp, đô thị.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tăng cường hợp tác công - tư (PPP); cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tập trung phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng, hỗ trợ các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới, sáng tạo; nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng, ban hành chính sách nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác, liên kết vùng, liên vùng; mở rộng hợp tác quốc tế và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp tục duy trì và thâm nhập các thị trường truyền thống, đồng thời, hướng tới những thị trường mới.

- Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; trong đó, ưu tiên nguồn vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn trung ương hỗ trợ, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao

thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết Vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư. Thực hiện tốt Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm nhằm thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng để phát triển mạnh các lĩnh vực: kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ, đô thị, chế biến nông sản mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các dự án kêu gọi đầu tư; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu kinh tế biển, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, các khu đô thị - công nghiệp... theo quy hoạch được duyệt. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất (địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực...) nhằm thu hút các nhà đầu tư phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển thị trường lao động theo hướng chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh; ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế trọng điểm, trong các khu, cụm công nghiệp như: công nghiệp chế biến, chế tạo, chế biến nông sản, du lịch, thương mại, dịch vụ.

- Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo theo nhu cầu xã hội, thị trường lao động; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhất là Trường Đại học Tiền Giang, Cao đẳng Tiền Giang, Cao đẳng Y tế Tiền Giang, 3 trường trung cấp ở 3 vùng trong tỉnh. Tăng cường mối liên kết giữa các viện, các trường đại học, các trung tâm đào tạo có uy tín. Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đơn vị sử dụng lao động hoặc trung gian.

- Thực hiện đào tạo theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển; đào tạo, đào tạo lại ngành, nghề phù hợp cho lực lượng lao động theo định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; thực hiện phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục thu hút đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, hoàn thiện mạng lưới trường lớp. Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục ngoài công lập chất lượng cao. Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa chủ thể tham gia đào tạo, kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện chính sách quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nhân, các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực, kết nối cung cầu lao động giữa doanh nghiệp và người lao động. Ban hành chính sách ưu đãi thu hút lao động chất lượng cao, có kỹ năng, tay nghề giỏi đến làm việc lâu dài trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

- Đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành nền tảng, động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, hướng tới mục tiêu tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu và chuyển lên các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Chuyển đổi số

- Tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số thúc đẩy sự phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ưu tiên cho phát triển các ứng dụng số hóa trong hoạt động của chính quyền để đẩy nhanh xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số.

6. Bảo đảm an sinh xã hội

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong

giai đoạn mới. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, trong đó ưu tiên hộ không có khả năng lao động, hộ cận nghèo có thành viên đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới do khó khăn đột xuất.

- Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên. Huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, quan tâm hơn nữa chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Xây dựng và triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng.

7. Bảo vệ môi trường

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

- Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm; tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

- Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới chú ý áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

8. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các đơn vị trong quản lý đầu tư công.

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm dần tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính (kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, tư vấn tài chính...) phục vụ nhu cầu của thị trường, nhằm tăng thu ngân sách bền vững. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Bố trí các công trình quốc phòng theo các hướng dẫn, quy định của Bộ Quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, phường, thị trấn và phù hợp với lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

a) Chịu trách nhiệm về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; (iii) Tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có).

b) Rà soát Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025) của tỉnh Tiền Giang đã tổ chức lập, thẩm định theo quy định của pháp luật đất đai đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023; tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 để thực hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương. Trường hợp trước năm 2030, tỉnh Tiền Giang sử dụng hết chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ thì phải báo cáo và chỉ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền theo quy định xem xét, chấp thuận.

c) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quán triệt và giao nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang tới từng sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã để triển khai thực hiện.

d) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang.

đ) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

e) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.